

**PHÊ DUYẾT KINH PHÍ CẤP BÙ, MIỄN GIẢM HỌC PHÍ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 81/2021/NĐ-CP,
NGÀY 27/8/2021 CỦA CHÍNH PHỦ CẤP MẦM NON TỪ THÁNG 01 ĐẾN HẾT THÁNG 5 NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND, Ngày /02/2025 của UBND huyện Điện Biên)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Đơn vị	5 tháng đầu năm 2025 (Từ T1-5/2025)							Tổng kinh phí
		Trẻ 5 tuổi miễn giảm theo khoản 6 điều 15 NĐ 81/2021	Đối tượng miễn 100%	Đối tượng giảm		Mức thu học phí(đồng / tháng)	Số tháng miễn, giảm	Kinh phí cấp bù, miễn, giảm học phí	
				Mức giảm 70%	Mức giảm 50%				
	CẤP MẦM NON:	1,754	291	1,041	66		267	457,369,500	457,369,500
1	Trường MN Thanh Luông	92	2	1	2	40.000	5	19.140.000	19,640.000
	Trường MN Thanh Luông	4				25,000	5	500,000	
2	Trường MN Thanh Hưng	96	5		4	40.000	5	20,600.000	21,255.000
	Trường MN Thanh Hưng			1		30.000	5	105,000	
	Trường MN Thanh Hưng	3		2		25.000	5	550,000	
3	Trường MN Thanh Chấn	82	4	7		40.000	5	18,180.000	18,717.000
	Trường MN Thanh Chấn			1		40.000	4	112,000	
	Trường MN Thanh Chấn	2		2		25.000	5	425,000	
4	Trường MN Thanh Yên	51	1	1	2	40.000	5	10,740.000	10,990.000
	Trường MN Thanh Yên	2				25.000	5	250,000	
5	Trường MN Số 2 Thanh Yên	48	5	20	2	40.000	5	13,600.000	13,775.000
	Trường MN Số 2 Thanh Yên			2		25.000	5	175,000	
6	Trường MN Thanh An	82	6	20	3	40.000	5	20,700.000	21,035.000
	Trường MN Thanh An	1				40.000	4	160,000	
	Trường MN Thanh An			2		25.000	5	175,000	
7	Trường MN Thanh Xương	135	2	1		40.000	5	27,540.000	

	Trường MN Thanh Xương			1		30,000	5	105,000	
	Trường MN Thanh Xương	4	2	8		25,000	5	1,450,000	29,095,000
8	Trường MN Noong Luông	88	10	48	11	40,000	5	27,420,000	
	Trường MN Noong Luông			1		25,000	5	87,500	27,507,500
9	Trường MN Noong Het	77	3	21	4	40,000	5	19,340,000	
	Trường MN Noong Het	2				25,000	5	250,000	19,590,000
10	Trường MN Hoàng Công Chất	65		2	1	40,000	5	13,380,000	
	Trường MN Hoàng Công Chất	5		1		25,000	5	712,500	14,092,500
11	Trường MN Pom Lót	93	6	6	6	40,000	5	21,240,000	
	Trường MN Pom Lót	2		2		25,000	5	425,000	21,665,000
12	Trường MN Thanh Nua	63	2	12	2	40,000	5	14,880,000	
	Trường MN Thanh Nua	2	1	6		25,000	5	900,000	15,780,000
13	Trường MN xã Sam Mút	61	7	24	14	40,000	5	18,360,000	
	Trường MN xã Sam Mút	5	1	2		25,000	5	925,000	19,285,000
14	Trường MN Mường Pôn	73	20	100		25,000	5	20,375,000	
	Trường MN Mường Pôn			1		40,000	5	140,000	20,515,000
15	Trường MN Số 2 Mường Pôn	47	22	45		25,000	5	12,562,500	
	Trường MN Số 2 Mường Pôn		1			25,000	4	100,000	12,662,500
16	Trường MN Hua Thanh	3				40,000	5	600,000	
	Trường MN Hua Thanh	57	12	115		25,000	5	18,687,500	19,287,500
17	Trường MN Nua Ngam	75	12	45	7	40,000	5	24,400,000	
	Trường MN Nua Ngam	2		10		25,000	5	1,125,000	25,525,000
18	Trường MN He Muông	54	18	79		25,000	5	15,912,500	
	Trường MN He Muông			1		40,000	5	140,000	16,052,500
19	Trường MN Na Ủ	45	20	80		25,000	5	15,125,000	15,125,000
20	Trường MN Pa Thơm	20	23	22		25,000	5	7,300,000	7,300,000
21	Trường MN Mường Nhà	8	1	1		40,000	5	1,940,000	